

30 NĂM NGHIÊN CỨU ĐỊA LÝ Ở TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU BIỂN HẢI PHÒNG

NGUYỄN CHU HỒI

Tham gia vào công cuộc khai thác tài nguyên biển nước nhà thời gian qua có sự đóng góp của nhiều ngành khoa học biển, trong đó có địa lý biển và vai trò của ngành khoa học này ngày càng được coi trọng.

Đề minh họa cho đánh giá trên, bài báo nêu khái quát quá trình hình thành và sự phát triển của kiến thức Địa lý biển, và những kết quả đạt được trong nghiên cứu địa lý biển ở Trung tâm Nghiên cứu biển Hải Phòng.

Vị trí quan trọng của biển trong chiến lược xây dựng và phát triển nền kinh tế quốc dân ở nước ta đã nhiều lần được khẳng định. Tuy nhiên, công cuộc khai thác nguồn lợi biển theo đúng nghĩa của nó mới ở vào giai đoạn khởi đầu, còn nhiều vấn đề cần phải được tiếp tục nghiên cứu bổ sung và hoàn thiện, nhằm có được những cơ sở khoa học đúng đắn cho việc khai thác tối ưu tài nguyên biển.

Tham gia vào công cuộc khai thác tài nguyên biển nước nhà thời gian qua có sự đóng góp tích cực của các ngành khoa học biển, trong đó có địa lý biển, của những tổ chức nghiên cứu về biển, trong đó có Trung tâm nghiên cứu biển Hải Phòng.

Lúc đầu tuy Trung tâm chưa xác định rõ nội dung nghiên cứu địa lý với tư cách một chuyên ngành độc lập trong khoa học biển, nhưng việc nghiên cứu các yếu tố điều kiện tự nhiên vịnh Bắc bộ được tiến hành theo phương pháp luận địa lý. Nói đúng hơn đã bắt đầu nghiên cứu địa lý biển phục vụ ngay nhu cầu khai thác nguồn lợi hải sản và mục đích quốc phòng.

Đề có cơ sở hiểu rõ hơn vai trò của địa lý biển, chúng tôi muốn đánh giá việc nghiên cứu

địa lý của Trung tâm trong hệ thống kiến thức chung về địa lý biển ở nước ta.

1. Điềm qua các quá trình hình thành và phát triển kiến thức địa lý biển:

Có thể nói, công cuộc khai thác tiềm năng của biển được bắt nguồn ngay từ tư duy huyền thoại với hình tượng Lạc Long Quân xuống biển để thừa hưởng sự ưu đãi của thiên nhiên miền biển. Hình như vị mặn của biển cả đã ngấm vào máu thịt của những người Việt Nam Cò trên đất nước ta. Thiên nhiên biển đã tác động một cách khách quan vào đời sống của con người Việt cò, còn con người thời ấy tiếp thu nó một cách thụ động theo bản năng ứng xử. Người xưa đã từng ứng xử trước những hiện tượng địa lý — biển lấn và lấn biển — theo những phương thức linh hoạt và thích hợp.

Càng về sau càng nhận thức rõ hơn vai trò của điều kiện địa lý, người xưa đã chủ động giành quyền làm chủ các vùng đồng bằng hình thành sau đợt biển tiến Hôlôxen và dựng nên nền văn minh « lúa nước ». Đồng sơn cách đây khoảng 3000 nghìn năm mà khảo cổ học gọi là « thời kỳ lấn biển » đầu tiên ở Việt Nam.

Lấn biển để dựng nước từ đó trở thành bản sắc truyền thống của Việt Nam trong quá khứ, đồng thời cũng chứng tỏ khả năng nắm bắt chủ động kiến thức địa lý phục vụ đời sống của người xưa.

Bước sang thời kỳ của cuộc cách mạng khoa học — kỹ thuật, công cuộc khai thác biển mang những đặc điểm mới mẻ nhờ việc hoàn toàn chủ động đưa tén bộ khoa học kỹ thuật vào khảo cứu, đánh giá điều kiện tự nhiên và nguồn tài nguyên biển. Cũng nhờ đó, những kiến thức địa lý đã trở thành nội dung nghiên cứu chính thống trong các chương trình khảo cứu biển, nói cách khác vai trò của địa lý biển ngày càng được coi trọng.

Từ năm 1924 đến năm 1939 Viện Hải dương học Đông Dương ở Nha Trang bằng tàu nghiên cứu De Lanessan đã khảo cứu một số yếu tố địa lý như đo sâu, dòng chảy... phục vụ nghiên cứu nguồn lợi sinh vật ở vùng biển vịnh Bắc bộ, khơi Trung bộ, Nam bộ, quần đảo Hoàng Sa và vịnh Thái Lan.

Ngoài ra, một số công sở và bộ Hải quân Pháp đã tiến hành đo đạc xây dựng tập bản đồ độ sâu vùng biển Việt nam và một số khu vực xây dựng công trình cảng biển.

Từ năm 1959, Nhà nước ta ủy nhiệm cho Ủy ban khoa học Nhà nước ngày nay là Ủy ban khoa học và kỹ thuật Nhà nước thành lập « Đội điều tra hải dương » và trong 2 năm 1959 — 1960 đội này tham gia trong Đội điều tra liên hợp Việt — Trung nhằm khảo cứu các yếu tố vật

lý thủy văn, hóa học, địa hình và trầm tích tầng mặt vịnh Bắc bộ. Cũng từ thời kỳ này, nhiều khía cạnh của địa lý biển được Bộ tư lệnh Hải quân Việt Nam thực hiện phục vụ sự nghiệp bảo vệ vùng biển Tổ Quốc.

Năm 1961, thành lập Trạm nghiên cứu biển — cơ quan nghiên cứu khoa học biển đầu tiên ở miền Bắc nước ta. Nhiệm vụ của Trạm là tiếp tục hợp tác với Trung Quốc điều tra tổng hợp vịnh Bắc bộ cho đến 1963. Mục đích chính là xác định những quy luật tổng thể về đặc điểm tự nhiên trong mối quan hệ với nguồn lợi sinh vật.

Năm 1967, chuyển quy mô Trạm nghiên cứu biển lên thành Viện nghiên cứu biển và được giao nhiệm vụ chủ trì tổ chức thực hiện điều tra cơ bản vùng biển ven bờ miền Bắc. Những nội dung địa lý được tiến hành chủ yếu ở vùng biển ven bờ từ Móng Cái đến Nghệ-Tĩnh.

Từ năm 1976 đến 1981 nghiên cứu chuyên đề địa mạo và trầm tích các bãi phục vụ tìm kiếm sa khoáng, khoáng vật nặng có ích ven bờ tây vịnh Bắc bộ (đến Nghệ-Tĩnh).

Tiếp đến năm 1985, tiến hành đánh giá tổng hợp điều kiện tự nhiên dải ven bờ (coastal zone), phân vùng địa chất — địa mạo dải ven bờ miền Bắc. Góp phần mở ra hướng nghiên cứu môi trường địa — sinh thái đới bờ.

Từ năm 1986 đến nay, trên quan điểm phương pháp luận địa lý tiến hành nghiên cứu vi mô các thềm bãi lầy cửa sông làm cơ sở khoa học cho nghiên cứu sử dụng hợp lý, bảo vệ môi trường vùng bờ. Đã hướng nội dung nghiên cứu địa lý tiếp cận những đòi hỏi thực tế của việc khai thác và nuôi trồng hải sản.

2. Dềm qua những kết quả đạt được trong nghiên cứu địa lý ở Trung tâm nghiên cứu biển Hải Phòng:

Bám sát vào những nhiệm vụ đặt ra trong từng giai đoạn của sự phát triển, Địa lý biển đã có những đóng góp đáng kể.

Trong giai đoạn đầu 1959 — 1965 đã tiến hành điều tra tổng hợp vịnh Bắc bộ trên một diện tích khoảng 128300 km². Mục đích chính của đợt điều tra này là xác định những quy luật về phân bố không gian và biến động của các yếu tố tự nhiên liên quan đến quy luật biến đổi nguồn lợi sinh vật trong vịnh. Nội dung địa lý đã được thực hiện như quan trắc khí tượng, hải văn, địa hình đáy, địa mạo bờ và cấu tạo lớp bề mặt đáy vịnh. Có thể nói đây là đợt điều tra có quy mô lớn về nội dung khoa học và đầu tư. Tham gia điều tra có đội tàu biển được trang bị các phương tiện hiện đại so với lúc bấy giờ như vô tuyến định vị, máy

đo sâu hồi âm, các máy móc đo khí tượng, hải văn và ống lấy mẫu trọng lực.

Kết quả là đã thành lập được hàng loạt các bản đồ về các yếu tố điều kiện tự nhiên vịnh Bắc bộ tỷ lệ 1: 200 000. Trên cơ sở đó thành lập một tập bản đồ đánh cá là một trong những kết quả tham gia của địa lý học nghề cá. Đã xác định được nhiều đặc điểm địa hình, đặc điểm môi trường sinh thái vịnh Bắc bộ đặc trưng và có ảnh hưởng quyết định đến thành phần và biến động không ổn định của nguồn lợi sinh vật trong vịnh. Cũng đã xác định sự tồn tại và phạm vi ảnh hưởng của dòng «bồi tích sông Hồng» dọc bờ tây vịnh Bắc bộ (đến Quảng Bình).

Những kết quả tham gia của địa lý lần này đã phục vụ kịp thời cho hàng hải, phát triển đánh bắt hải sản, công tác dầu khí, ngoại giao và đặc biệt phục vụ kế hoạch vớt phá thủy lôi năm 1973 (nhờ tài liệu hải văn và địa hình).

Thời gian 1967 — 1969 Trung tâm đã tổ chức khảo sát địa hình — địa mạo vùng bờ biển Đầm Hà — Móng Cái. Đã thành lập bản đồ địa hình đáy và địa mạo vùng khảo sát ở tỷ lệ 1: 100000 và cũng xác định một loạt thềm biển cao 2 — 5m, 6 — 12m, 15 — 25m và 40 — 45m. Xác định đặc điểm các rãnh sâu nguồn gốc dòng triều qua các eo, vung... Những kết quả đạt được đã giúp cho quy hoạch nuôi trồng hải sản, du lịch và phòng thủ quốc phòng.

Giai đoạn 1971 — 1980 tập trung hướng nghiên cứu địa lý tham gia điều tra vùng biển ven bờ, phục vụ kịp thời nhu cầu khai thác hải sản biển gần Đả tổ chức 2 đợt điều tra tổng hợp điều kiện tự nhiên ở vùng biển ven bờ Hải Phòng — Quảng Ninh (1971 — 1975) và Hải Phòng — Nghệ Tĩnh (1975 — 1980) trên diện tích khoảng 10 000 km² kể từ đường bờ ra tới độ sâu 30m nước. Các kết quả nghiên cứu được thể hiện trên các bản đồ về từng yếu tố tự nhiên tỉ lệ 1: 300 000. Trên quan điểm đánh giá tổng hợp đã đề xuất hướng phát triển khai thác hải sản và phát hiện các bãi đánh bắt hải sản mới.

Trong thời gian 1976 — 1981 đã chuyển nội dung nghiên cứu địa lý phục vụ việc định hướng tìm kiếm sa khoáng ven biển bằng việc tiến hành nghiên cứu hệ thống địa mạo và trầm tích bãi ven bờ tây vịnh Bắc bộ (đến Đèo Ngang). Kết quả đã xác lập quan hệ giữa động lực phát triển các kiểu bờ biển với các loại hình sa khoáng biển và quy mô phân bố của nó. Rút ra một số nhận định về quy luật phân bố địa lý các sa khoáng biển miền Bắc. Nhờ đó đã phát hiện thêm một số điểm tích tụ có ý nghĩa thực tế cũng như hướng tìm kiếm sắp tới.

Sau năm 1981, nội dung nghiên cứu địa lý đã bao trùm lên dải ven bờ (coastal zone) phía Bắc. Trên quan điểm địa học đã phân vùng dải ven bờ phía Bắc thành những thực thể tự nhiên hoàn chỉnh, trong đó lại chia ra các loại hình thủy vực với tư cách các thực thể cấp nhỏ hơn. Trên những quan điểm mới này đã kiến nghị những nguyên tắc sử dụng kinh tế các vùng tự nhiên khác nhau ở dải ven bờ phía Bắc, mở ra hướng mới trong nghiên cứu các địa hệ sinh thái vùng bờ.

Đến năm 1986, trên cơ sở xem dải ven bờ, vùng cửa sông hay nhỏ hơn là các bãi lầy sù vệt như những hệ tự nhiên hoàn chỉnh cấp khác nhau đã tiến hành chia ra các cảnh quan riêng. Kết hợp quan điểm địa hệ thống (geosystem) với quan điểm tương tác và biến động của các hệ này đã xây dựng phương pháp luận nghiên cứu dải ven bờ thích hợp và từ đó đi vào nghiên cứu sử dụng các cảnh quan mặn vùng ven biển, thậm chí ở quy mô micro (một bãi triều). Dựa trên phương pháp luận nêu trên, bước đầu lựa chọn được thang phân loại các cửa sông sử dụng phù hợp và theo đó lại phân ra các bãi lầy theo mức tương tác giữa biển và lục địa. Cũng đã nghiên cứu hình thành thang phân loại lạch triều và từ đó đánh giá vai trò của các cấp lạch triều trong quy hoạch đầm nuôi hải sản. Qua nghiên cứu địa lý sinh vật và địa hóa cảnh quan đã bước đầu xác định mức độ "đầm lầy hóa" của các bãi lầy cửa sông. Cuối cùng đã nêu những chỉ tiêu định tính của các yếu tố tự nhiên như: chỉ tiêu độ cao, địa mạo, nền đáy, mức đầm lầy hóa, lạch triều, hình thái cấu trúc đầm nuôi, thảm thực vật... phục vụ quy hoạch nuôi hải sản. Trên quan điểm địa lý đã chỉ ra xu hướng tiến hóa của một vùng đất trê thuộc các bãi lầy cửa sông và những lưu ý sử dụng hợp lý khi chuyển vùng đất này sang khai hoang lấn biển chống thoái hóa, mở ra hướng nghiên cứu địa hệ trong vùng bờ biển.

Ngoài những nghiên cứu quy mô lớn, tập trung, Trung tâm đã tiến hành nghiên cứu những chuyên đề thuộc lĩnh vực địa lý. Năm 1974 và 1985 đã tiến hành nghiên cứu địa mạo đáy vịnh Bắc bộ dựa theo quan điểm hình thái động lực, nhưng chưa xây dựng được các chỉ

tiêu định lượng làm cơ sở cho những kết luận một cách chắc chắn hơn.

Năm 1977 công bố công trình phân loại các kiểu bờ biển miền Bắc Việt Nam và tìm hiểu nguyên nhân một số khu bờ sù lợ. Cũng đã xác nhận sự có mặt của một số thể hệ đường bờ cò ở đáy vịnh Bắc bộ và gần đây quan tâm nghiên cứu sự dao động mực nước biển trong Holoxen ở Vịnh Bắc bộ.

Tóm lại, nghiên cứu địa lý ở Trung tâm nghiên cứu biển Hải Phòng từng bước bám sát thực tiễn sản xuất nghề cá, phục vụ nuôi trồng hải sản, tìm kiếm khoáng sản và khai thác tài nguyên hệ sinh thái dải ven biển, góp phần nghiên cứu sử dụng hợp lý, bảo vệ môi trường tự nhiên, chống thoái hóa.

3) Phương hướng nhiệm vụ chủ yếu nghiên cứu địa lý ở Trung tâm nghiên cứu biển thời gian tới:

Bám sát nhiệm vụ của Trung tâm trong thời gian tới là tập trung nghiên cứu vùng bờ biển (coastal zone), phục vụ việc sử dụng hợp lý và bảo vệ môi trường vùng bờ. Công tác nghiên cứu địa lý cũng tập trung giải quyết mấy nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Đánh giá bản chất tự nhiên vùng bờ biển phía Bắc, phân chia các khu vực tự nhiên theo quan điểm địa hệ và hướng sử dụng chúng.

- Nghiên cứu đối sánh các kiểu bãi lầy cửa sông giữa các khu vực tự nhiên khác nhau, giữa bãi lầy tự nhiên nguyên khác với các khu vực đã đưa vào khai hoang nông nghiệp và nuôi trồng hải sản. Đề xuất hướng sử dụng và cải tạo.

- Nghiên cứu các quá trình cửa sông, các yếu tố môi trường sinh thái phục vụ phát triển nghề nuôi trồng hải sản nước lợ và việc bảo vệ nguồn dinh dưỡng (eutrophication) cho vùng bờ biển.

- Nghiên cứu sự biến đổi môi trường cửa sông ven biển vùng đồng bằng sông Hồng sau đập đập sông Đà. Đề xuất chiến lược sử dụng tài nguyên mới.

- Hoàn thiện hệ thống bản đồ biển phía Bắc Việt Nam, bao gồm cả dải ven bờ.

Biên tập: Kim Oanh

